

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG GDCB NIỀM TIN

Mẫu số 1

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU TẠI ĐƠN VỊ NĂM HỌC 2024-2025

STT	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN CHI	SỐ HỌC SINH	SỐ THÁNG	MỨC THU (Đ)/HỌC SINH/THÁNG
A	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	344.070.000			
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú	256.320.000	89	9	320.000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	69.750.000	50	9	155.000
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	-			
3,1	Đối với lớp được trang bị sẵn máy lạnh	18.000.000	50	9	40.000
B	Các khoản thu quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác				
I	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác				
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án				
III	Các khoản thu cho cá nhân học sinh	789.507.000			
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	35.600.000	89		400.000
13	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu	32.040.000	89		360.000
13.1	Học phẩm	1.780.000	89		20.000
13.2	Học cụ - Học liệu	30.260.000	89		340.000
14	Tiền suất ăn trưa bán trú	550.800.000	85	180	36.000

STT	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN CHI	SỐ HỌC SINH	SỐ THÁNG	MỨC THU (Đ)/HỌC SINH/THÁNG
15	Tiền suất ăn sáng	153.000.000	50	180	17.000
16	Tiền nước uống	13.617.000	89	9	17.000
17	Tiền BHTN học sinh	4.450.000	89		50.000

Ngày 05 tháng 9 năm 2024

Kế toán

Hiện trưởng



Lê Thị Tuyết Linh

Huỳnh Thị Bích Châu

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG CHI TẠI ĐƠN VỊ NĂM HỌC 2024-2025

STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số người	Số tháng	Số tiền/tháng	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
A	Dự toán chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục					344.070.000		
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú					256.320.000	100,0%	
1.1	Chi thanh toán cá nhân (trực tiếp):					54.000.000	21,1%	
	Chi tiền công phục vụ học sinh (GV+BM)	người	12	9	500.000	54.000.000	21,1%	
1.2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					36.000.000	14,0%	
	Hiệu trưởng	người	1	9	700.000	6.300.000	2,5%	
	Phó hiệu trưởng	người	1	9	400.000	3.600.000	1,4%	
	Kế toán	người	1	9	400.000	3.600.000	1,4%	
	Cấp dưỡng	người	1	9	700.000	6.300.000	2,5%	
	Văn thư, y tế, cấp dưỡng phụ, phục vụ, bảo vệ	người	6	9	300.000	16.200.000	6,3%	
1.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					141.193.600	55,1%	
	Tiền điện nước	tháng		4	2.400.000	9.600.000	3,7%	
	Vật tư văn phòng	năm			10.000.000	10.000.000	3,9%	
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị	năm			20.000.000	20.000.000	7,8%	
	Hoạt động chuyên môn trường	năm			50.000.000	50.000.000	19,5%	
	Chi hoạt động khác	năm			51.593.600	51.593.600	20,1%	
1.4	Khấu hao tài sản cố định					20.000.000	7,8%	



STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số người	Số tháng	Số tiền/tháng	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
	Tỷ lệ (do trường xác định)					20.000.000	7,8%	
1.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp					5.126.400	2,0%	
	2% thuế					5.126.400	2,0%	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng					69.750.000		
2.1	Chi thanh toán cá nhân (trực tiếp):					32.400.000	46,5%	
	Chi tiền công phục vụ học sinh (GV +BM)	người	12	9	300.000	32.400.000	46,5%	
2.2	Chi cho bộ phận gián tiếp:					26.100.000	37,4%	
	Hiệu trưởng	người	1	9	400.000	3.600.000	5,2%	
	Phó hiệu trưởng	người	1	9	300.000	2.700.000	3,9%	
	Kế toán	người	1	9	300.000	2.700.000	3,9%	
	Cấp dưỡng	người	1	9	400.000	3.600.000	5,2%	
	Văn thư, y tế, cấp dưỡng phụ, phục vụ, bảo vệ	người	6	9	250.000	13.500.000	19,4%	
2.3	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					9.855.000	14,1%	
	Hoạt động chuyên môn trường	năm			10.000.000	5.000.000	7,2%	
	Chi khác	năm			4.855.000	4.855.000	7,0%	
2.4	Thuế thu nhập doanh nghiệp					1.395.000	2,0%	
	2% thuế					1.395.000	2,0%	
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuế máy lạnh nếu có)					18.000.000		
3.1	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động					17.640.000	98,0%	
	Tiền điện	tháng		4	2.400.000	9.600.000	53,3%	-
	Bảo trì vệ sinh máy lạnh	năm			7.320.000	7.320.000	40,7%	



STT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số người	Số tháng	Số tiền/tháng	NĂM HỌC 2024-2025		Ghi chú
						Dự toán	Tỷ lệ (%)	
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp					360.000	2,0%	
	2% thuế					360.000	2,0%	
B	Dự toán chi các khoản thu quản lý tổ chức các hoạt động giáo dục khác							
I	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác							
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án							
III	Các khoản thu cho cá nhân học sinh					789.507.000		
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	năm				35.600.000	100%	
13	Tiền học phẩm – học cụ - học liệu	năm				32.040.000	100%	
13.1	Học phẩm	năm				1.780.000	100%	
13.2	Học cụ - Học liệu	năm				30.260.000	100%	
14	Tiền suất ăn trưa bán trú	năm				550.800.000	100%	
15	Tiền suất ăn sáng	năm				153.000.000	100%	
16	Tiền nước uống	tháng				13.617.000	100%	
17	Tiền BHTN học sinh	năm				4.450.000	100%	

Kế toán

Ngày 05 tháng 9 năm 2024

Huỳnh Thị Bích Châu



Lê Thị Tuyết Linh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ
TRƯỜNG GDCB NIÊM TÍN

DỰ TOÁN THU NĂM HỌC 2024 - 2025

Đơn vị tính: đồng											
Stt	Tên khoản thu	Đ vị tính	Mức thu năm 2023 - 2024	Mức thu năm 2024 - 2025	Tỉ lệ tăng	Số tiền tăng	Mức thu tối đa	Số hs	Số ngày, tháng, năm	Số tiền thu/ năm học	Ghi chú
I	Học phí										
II	Các khoản thu dịch vụ										
1	DV tổ chức PV, QL và vệ sinh bán trú	tháng									
	Mức thu		280.000	320.000	14,3%	40.000	550.000	89	9	344.070.000	
2	DV phục vụ ăn sáng	tháng	135.000	155.000	14,8%	20.000	220.000	50	9	256.320.000	
	DV s/d máy lạnh của lớp học có 3 máy lạnh (bg tiền điện + CP bảo trì)	tháng	40.000	40.000	0,0%		50.000	50	9	69.750.000	
III	Các khoản thu tổ chức các HĐGD khác										
IV	Các khoản thu cho cá nhân hs									789.507.000	
1	Tiền mua sắm TB, VD PV hs bán trú	năm học	400.000	400.000	0,0%		450.000	89	1	35.600.000	
3	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu	năm học	360.000	360.000	0,0%		600.000	89	1	32.040.000	
4	Tiền suất ăn trưa bán trú	ngày	35.000	36.000	2,9%	1.000	40.000	85	180	550.800.000	
5	Tiền suất ăn sáng	ngày	16.000	17.000	6,3%	1.000	20.000	50	180	153.000.000	
6	Tiền nước uống	tháng	17.000	17.000	0,0%		20.000	89	9	13.617.000	
7	BHTN học sinh	năm học	50.000	50.000	0,0%			89	1	4.450.000	

Ngày 05 tháng 09 năm 2024

Kế toán

Hiệu trưởng



Lê Thị Tuyết Linh

Huỳnh Thị Bích Châu